

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**

Ngày **27/6/2023**

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Phương
Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày **27/6/2023** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2023 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **24/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **19/2023/QĐST-DS** ngày 07/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm 1, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Phạm Văn H1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Xóm 5, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị H, vắng mặt anh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Lê Thị H) kết hôn với anh Phạm Văn H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/1997 tại UBND xã L, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 5, xã L, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Đến tháng 5/1999 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H1.

Về con chung: chị H xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị V, sinh ngày 26/3/1999. Hiện nay cháu đã có gia đình riêng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn H1, nơi cư trú tại xóm 5, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án; giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh H1, anh H1 không nhận các văn bản của Tòa án với lý do anh theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn, đề nghị giao các văn bản cho ông Nguyễn Văn L là cán bộ xóm nhận thay và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, Chính quyền địa phương xã L, huyện K cung cấp: anh Phạm Văn H1 và chị Lê Thị H là vợ chồng, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K vào tháng 11/1997. Sau khi kết hôn anh chị ấy sinh sống tại xóm 5, xã L. Chị H, anh H1 sống với nhau được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do có sự chênh lệch về tuổi tác dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát. Do không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên chị H và anh H1 đã ly thân nhau từ năm 1999 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Về con chung, anh H1, chị H có 01 con chung là cháu Phạm Thị V, sinh năm 1999. Hiện cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng. Về công việc thì cả anh H1, chị H đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Tại Biên bản làm việc ngày **08/5/2023**, ông Nguyễn Văn L - Bí thư chi bộ xóm 5 cung cấp: ông đã đi cùng cán bộ Tòa án đến nhà anh H1 để giao các văn bản giấy tờ cho anh H1, anh H1 đã đọc các văn bản của Tòa án, nhưng anh H1 không ký nhận với lý do anh H1 theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn. Đề nghị Tòa án giao các văn bản giấy tờ lại cho ông để ông giao lại cho anh H1. Ông L xác nhận ông đã giao ngay các văn bản của Tòa án đến tận tay anh H1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Lê Thị H ly hôn anh Phạm Văn H1. Về án phí: chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn H1, sinh năm 1973; nơi ĐKKHTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phạm Văn H1, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh H1. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 07/6/2023 anh Phạm Văn H1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 27/6/2023 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Phạm Văn H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Phạm Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/1997 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh H1 và chị H không tôn trọng nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và một mặt do chênh lệch về

tuổi tác giữa anh H1 và chị H đến đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân nhau đến nay đã 24 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H1 đang có mặt tại nơi cư trú xóm 5, xã L và anh H1 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh H1 không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh H1 làm việc, anh H1 không hợp tác, không ký nhận văn bản, việc chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Như vậy, giữa anh H1 và chị H không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh H1 không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã 24 năm không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị H, anh H1 có 01 con chung là cháu Phạm Thị V, sinh ngày 26/3/1999. Hiện nay cháu đã có gia đình riêng, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung; anh H1 không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b **khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Phạm Văn H1.

2. Về án phí: chị Lê Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004828 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng